TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẮC GIANG

Số: 947/CTHADS-NV
V/v hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ thi hành án dân sự

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Chi cục trưởng Chi cục THADS các huyện, thành phố

Thời gian qua, qua công tác kiểm tra nghiệp vụ các hồ sơ thi hành án tại các Chi cục, Cục THADS tỉnh Bắc Giang nhận thấy còn tồn tại một số sai phạm phổ biến về các vấn đề sau: Không sử dụng đúng biểu mẫu quy định hoặc áp dụng sai biểu mẫu đặc biệt là đối với các quyết định cưỡng chế giao tài sản cho người mua đấu giá và cưỡng chế buộc thực hiện một công việc nhất định; không thực hiện xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo Điều 89 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014; không thực hiện việc thông báo hoặc thông báo không đầy đủ, không đúng về quyền thỏa thuận giá, quyền định giá lại tài sản, quyền thỏa thuận tổ chức thẩm định giá, quyền thỏa thuận tổ chức bán đấu giá, quyền ưu tiên mua tài sản… ; không thực hiện việc thông báo xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án trong các trường hợp có tài sản chung, tài sản chung vợ chồng, tài sản chung trong hộ gia đình và không thực hiện việc xác minh giá trị tài sản và nghĩa vụ bảo đảm tại các tổ chức tín dụng ngân hàng đối với tài sản đang thế chấp.

Trên cơ sở kết quả tổng hợp những vi phạm và nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ THADS như sau:

1. Việc áp dụng biểu mẫu nghiệp vụ thi hành án

Hiện nay, một số Chi cục còn tồn tại vi phạm trong việc thụ lý, ra quyết định thi hành án, cụ thể:

-Trong quyết định thi hành án phần căn cứ không xác định rõ căn cứ vào bản án hay quyết định của Tòa án mà để nguyên cả "bản án, quyết định…" là không chính xác mà cần xác định rõ căn cứ để ban hành Quyết định THA là Bản án thì chỉ gi là Bản án, nếu là Quyết định thì chỉ ghi là Quyết định.

VD: Căn cứ Bản án số 46/2016/HSST ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên hoặc Căn cứ Quyết định số 105/2017/DSST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Một số Chi cục tự ý thêm các ký hiệu riêng vào quyết định thi hành án như "DS, HS, DS2…" vào phần số, ký hiệu của quyết định thi hành án là không đúng quy định của biểu mẫu trong thi hành án dân sự.

VD: Chi cục THA dân sự huyện Việt Yên ghi Quyết định thi hành án theo đơn số 06-DS/QĐ-CCTHADS ngày 21/3/2017 là không đúng mà chỉ ghi là Quyết định thi hành án theo đơn số 06/QĐ-CCTHADS.

- Khi thực hiện việc cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá một số đơn vị áp dụng sai mẫu biểu Quyết định. Trong trường hợp này các Chấp hành viên thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự để ban hành các quyết thi hành án phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

- Đối với hồ sơ thi hành án khoản buộc thực hiện một công việc nhất định thì Chấp hành viên thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 118 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014, trong quá trình sử dụng biểu mẫu cần nghiên cứu, xem xét và bổ sung thêm các thông tin cho phù hợp với tính chất, nội dung vụ việc, đặc biệt là phần căn cứ pháp lý.

Yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố thực hiện nghiêm việc sử dụng biểu mẫu nghiệp vụ tại mục 2 Thông tư 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp.

2. Việc thông báo thi hành án

Qua kết quả kiểm tra tiến độ hồ sơ thi hành án đang thi hành thì thấy còn vi phạm trong việc thông báo các quyền cho đương sự theo quy định của Luật THADS, chưa thực hiện đúng, đầy đủ về thông báo cho các đương sự về các quyền, nghĩa vụ thi hành án liên quan đến việc kê biên, xử lý tài sản để thi hành án.

- Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản chung của Hộ gia đình, tài sản chung của vợ chồng và tài sản chung theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 và Công văn số 410/CTHADS-NV ngày 14/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang hướng dẫn thực hiện văn bản số 1103/TCTHADS-NV1 ngày 30/3/2017 của Tổng cục Thi hành án dân sự.

- Nhiều Chấp hành viên không thực hiện việc thông báo các quyền cho đương sự theo quy định của Luật THA dân sự là vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục thi hành án như:

+ Thông báo quyền thỏa thuận giá tài sản kê biên và thỏa thuận tổ chức thẩm định giá tài sản kê biên theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật THA dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

+ Thông báo về quyền định giá lại tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 99 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

+ Thông báo về quyền thỏa thuận tổ chức bán đấu giá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

+ Thông báo cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS.

+ Thông báo xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung, tài sản chung vợ chồng, tài sản chung của hộ gia đình theo quy định tại Điều 74 Luật THADS và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62; Điều 209; Điều 212; Điều 213 Bộ luật dân sự 2015.

+ Thông báo về quyền ưu tiên mua tài sản chung trước khi ký Hợp đồng bán đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật THA dân sự và Điều 218 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi thực hiện thông báo về các quyền, và nghĩa vụ liên quan đến việc kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản, quyền ưu tiên mua tài sản,...Yêu cầu các Chấp hành viên thực hiện đúng quy định từ Điều 39 đến Điều 43 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 12 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 và Điều 2 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT ngày 01/8/2016 của Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Việc xác định thành viên hộ gia đình trong trường hợp cưỡng chế, kê biên đối với tài sản chung hộ gia đình.

Điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS quy định: "*Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Chấp hành viên thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết*".

Bộ Luật dân sự năm 2015 tại Điều 212 quy định về sở hữu chung của các thành viên gia đình không quy định cụ thể về độ tuổi để xác lập thành viên hộ gia đình trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự kê biên tài sản để thi hành án.

Như vậy, việc xác định thành viên hộ gia đình theo Luật THADS và các văn bản hướng dẫn thi hành không phụ thuộc vào độ tuổi của các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu, sử dụng. Yêu cầu các Chấp hành viên xác minh về hộ khẩu gia đình để làm rõ số lượng thành viên hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu, sử dụng để xác định phần quyền sở hữu, sử dụng theo quy định nêu trên.

4. Việc thu phí thi hành án và hạch toán kế toán trong trường hợp đương sự tự trả cho nhau và có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án không thi hành đối với phần đã thanh toán.

Thực tế kiểm tra tại nhiều đơn vị, trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc đã ra quyết định cưỡng chế thi hành án nhưng chưa thực hiện việc cưỡng chế thi hành án mà đương sự tự giao, nhận tiền, tài sản cho nhau (sau thời gian tự nguyện thi hành án), các Chấp hành viên đã áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 để thu 1/3 mức phí thi hành án dân sự tính trên số tiền, tài sản thực nhận. Tuy nhiên, sau khi thu 1/3 phí thi hành án, một số đơn vị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 50 Luật THADS được sửa đổi, bổ

sung năm 2014 ban hành quyết định đình chỉ đối với số tiền, tài sản mà đương sự đã tự thỏa thuận trả cho nhau là không đúng quy định, vì hai lý do:

- ***Thứ nhất***, điểm c khoản 1 Điều 50 quy định: "*Đương sự có thoả thuận bằng văn bản hoặc người được thi hành án có văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ quyền, lợi ích được hưởng theo bản án, quyết định, trừ trường hợp việc đình chỉ thi hành án ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba*" như vậy, trường hợp này chỉ áp dụng khi đương sự từ bỏ, không nhận một phần hoặc toàn bộ quyền lợi theo Bản án tuyên. Còn trường hợp các bên tự trả cho nhau thì phần quyền và lợi ích của đương sự đã được thi hành trên thực tế, chấp hành viên cần đề xuất kế toán hạch toán thu khoản tiền các đương sự tự trả cho nhau theo quy định của Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 và phần mềm kế toán nghiệp vụ.

- ***Thứ hai***, theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 216/2016/TT-BTC thì số phí thi hành án phải nộp được tính trên số tiền, tài sản thực nhận.

Như vậy, việc ban hành quyết định đình chỉ trong trường hợp này là không đúng định của pháp luật, yêu cầu các đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát đối với các hồ sơ thi hành án đang thi hành tại đơn vị mình, nếu tồn tại vi phạm, yêu cầu đồng chí Chi cục trưởng ban hành quyết định thu hồi đối với quyết định đình chỉ đã ban hành. Căn cứ các tài liệu đương sự tự trả cho nhau (biên bản thỏa thuận, biên bản giao nhận tiền, biên lai thu tiền, giấy biên nhận tiền…) chấp hành viên đề xuất kế toán hạch toán khoản tiền trên theo quy định của Thông tư số 91và phần mềm kế toán nghiệp vụ.

5. Trình tự, thủ tục khi tiến hành kê biên tài sản chung.

Qua công tác kiểm tra nghiệp vụ tại các đơn vị, nhiều Chấp hành viên còn chưa thực hiện đúng về trình tự, thủ tục trong việc kê biên, xử lý tài sản chung của người phải thi hành án, dẫn đến vi phạm quy định tại Điều 74 Luật THA dân sự quy định về "***Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án***".

Khi xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án chấp hành viên cần xác định rõ có tài sản chung nào để thực hiện đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Điều 74 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015; Bộ luật dân sự năm 2015 tại tiểu mục 3 quy định về Sở hữu chung từ Điều 207 đến Điều 220; Luật hôn nhân gia đình; Luật đất đai và các luật khác có liên quan và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành.

- Trường hợp người phải thi hành án có chung tài sản với người khác mà đã xác định được phần tài sản, quyền tài sản của từng người thì Chấp hành viên kê biên phần tài sản, quyền tài sản của người phải thi hành án để thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; trường hợp người phải thi hành án có tài sản chung với người khác nhưng chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ chồng, tài sản hộ gia đình;

- Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn

nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ.

- Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên phải xác minh hộ khẩu của gia đình ở thời điểm nhà nước cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình để xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Chấp hành viên thông báo xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ.

Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản theo quy định của Luật THA dân sự.

6. Đối với tài sản của đương sự đang cầm cố, thế chấp tại các tổ chức tín dụng Ngân hàng.

Nhiều hồ sơ Chấp hành viên thực hiện việc xác minh đương sự có tài sản là nhà đất, ô tô… nhưng đang thế chấp tại ngân hàng và không còn tài sản nào khác, Chấp hành viên đã đề xuất Chi cục trưởng ban hành quyết định chưa có điều kiện thi hành án là không có căn cứ theo quy định tại Điều 44a Luật THADS. Trường hợp này, chấp hành viên phải xác minh khoản dư nợ tại Ngân hàng đến thời điểm xác minh; xác minh tổng giá trị tài sản thực tế tại địa phương theo giá trị thị trường để có biện pháp tổ chức thi hành án theo đúng quy định tại Điều 90 Luật THADS.

- Đối với tài sản đã thế chấp hợp pháp mà kết quả xác minh tại thời điểm thi hành cho thấy tài sản có giá trị lớn hơn nghĩa vụ phải thanh toán theo Hợp đồng thế chấp thì Chấp hành viên có công văn đề nghị các tổ chức tín dụng Ngân hàng đồng ý phối hợp để kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khi xử lý tài sản kê biên, người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Đối với tài sản cầm cố, thế chấp hợp pháp mà kết quả xác minh cho thấy tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn nghĩa vụ phải thanh toán theo Hợp đồng cầm cố, thế chấp thì chấp hành viên phải thông báo bằng văn bản cho người nhận cầm cố, thế chấp biết nghĩa vụ của người phải thi hành án và yêu cầu khi thanh toán hết nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc khi xử lý tài sản cầm cố, thế chấp phải thông báo ngay cho cơ quan thi hành án biết để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ.

Lưu Ý: Kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 Nghị quyết số 42/NQ/2017/QH14 của Quốc Hội nước cộng hòa xá hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2017 có hiệu lực pháp luật thì việc kê biên tài sản đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng Ngân hàng theo quy định tại Điều 90 Luật THA dân

sự các chấp hành viên còn phải thực hiện đúng các quy định tại Điều 11 của Nghị quyết số 42/2017.

7. Đối với hồ sơ người phải thi hành án hoặc người có quyền nghĩa vụ liên quan đã xuất cảnh ra nước ngoài thì chấp hành viên thực hiện như sau:

- Đối với hồ sơ mà thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định việc xuất cảnh của người phải thi hành án thì chấp hành viên vẫn kê biên, xử lý tài sản theo quy định của Luật THA dân sự.

- Đối với hồ sơ Chấp hành viên xác định được địa chỉ của người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì chấp hành viên thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ.

- Đối với hồ sơ chấp hành viên chưa xác định được địa chỉ thì áp dụng theo khoản 3 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ.

8. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản.

Đối với các trường hợp cần ngăn chặn hoặc phát hiện đương sự có hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, trốn tránh việc thi hành án, yêu cầu Chấp hành viên ban hành ngay quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của người phải thi hành án theo quy định tại Điều 69 Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014, không ban hành công văn phối hợp vì không có giá trị bắt buộc thực hiện.

9. Thực hiện việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án

- Trường hợp người được thi hành án, người phải thi hành án là cá nhân chết thì quyền, nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao cho người khác theo quy định của pháp luật về thừa kế.

- Khi thực hiện Chấp hành viên áp dụng Điều 54 Luật THADS và Điều 15 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ.

10. Yêu cầu các Chi cục trưởng Chi cục THADS các huyện, thành phố thường xuyên quán triệt, triển khai và chỉ đạo các Chấp hành viên thực hiện đúng các trình tự, thủ tục thi hành án theo quy định của Luật THADS được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015; Thông tư số 11/2016/TTLT ngày 01/8/2016 cùng các Luật, văn bản khác có liên quan trong công tác thi hành án.

Đối với 13 vấn đề khó khăn, vướng mắc chung của toàn quốc đã được Tổng cục THADS hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 1103/TCTHADS-NV1 ngày 30/3/2017, đã được Cục THADS tỉnh Bắc Giang chỉ đạo thực hiện tại Công văn số 410/CTHADS-NV ngày 14/4/2017 và đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh, mục Hướng dẫn nghiệp vụ (hướng dẫn nghiệp vụ của địa phương), yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, phổ biến, quán triệt đến toàn thể Chấp hành viên để thống nhất áp dụng.

Trên đây là hướng dẫn, chỉ đạo của Cục THADS tỉnh Bắc Giang về một số vấn đề về nghiệp vụ THADS, yêu cầu Chi cục THADS các huyện, thành phố nghiên cứu, áp dụng. Trong quá trình thực hiện nếu chưa phù hợp với thực tiễn hoặc phát sinh vướng mắc, đề nghị các Chi cục tổng hợp và báo cáo về Cục THADS tỉnh (Phòng Nghiệp vụ &TCTHA, email nvtctha.bgg@moj.gov.vn) để nghiên cứu và kịp thời có hướng dẫn, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Trưởng các PCM thuộc Cục (để t/hiện);
- Lưu: VT, NV.

Bản điện tử:
- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ T.BẮC GIANG

Nguyễn Thị Lan
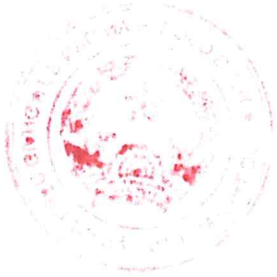
DÂN SỰ T.BẮC GIANG